

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA



# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1</b>	<b>5</b>	<b>PHẦN 3</b>	<b>41</b>
Thông tin khái quát		Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
Quá trình hình thành phát triển		Tình hình tài chính	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh		Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý		Kế hoạch phát triển trong tương lai	
Định hướng phát triển		Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	
Các rủi ro			
<b>PHẦN 2</b>	<b>21</b>	<b>PHẦN 4</b>	<b>51</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh		Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	
Tổ chức và nhân sự		Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án		Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	
Tình hình tài chính			
Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu		<b>PHẦN 5</b>	<b>55</b>
Báo cáo tác động tới môi trường và xã hội của Công ty		Báo cáo tài chính	





# PHẦN I

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



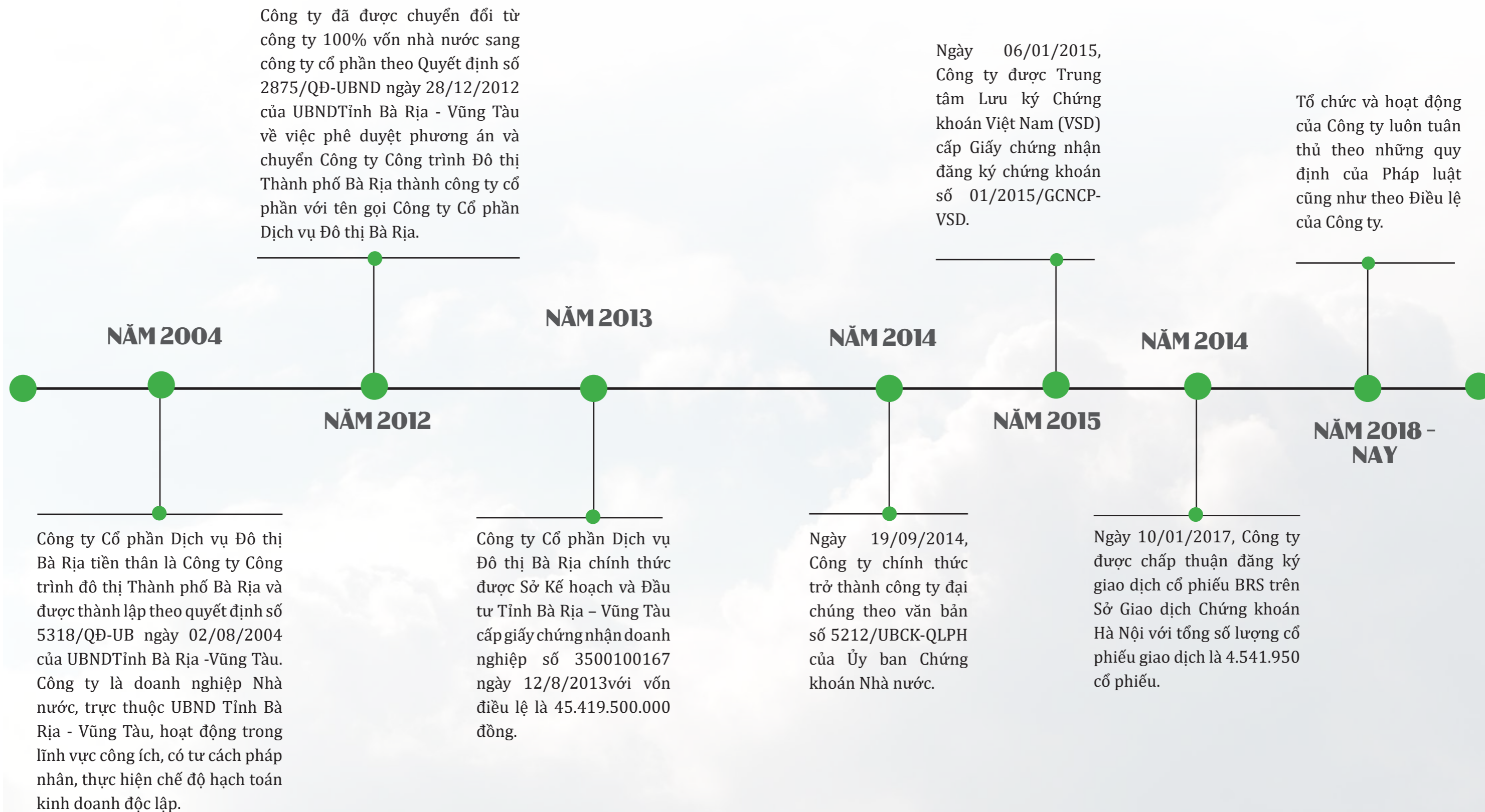
## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa
- Tên tiếng nước ngoài: Ba Ria Urban Service Joint Stock Company
- Tên viết tắt: BRUSCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500100167 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/8/2013, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 26/09/2019
- Vốn điều lệ: 45.419.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 45.419.500.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, Phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Số điện thoại: (0254) 3825422
- Số fax: (0254) 3829801
- Website: [www.dothibaria.com](http://www.dothibaria.com)
- Email: [dothibaria@gmail.com](mailto:dothibaria@gmail.com)
- Mã cổ phiếu: BRS





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại tỉnh; vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá, bốc xếp hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.



## Địa bàn kinh doanh

Kinh doanh trên địa bàn Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chủ yếu tập trung trên địa bàn Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Mô hình quản trị

Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

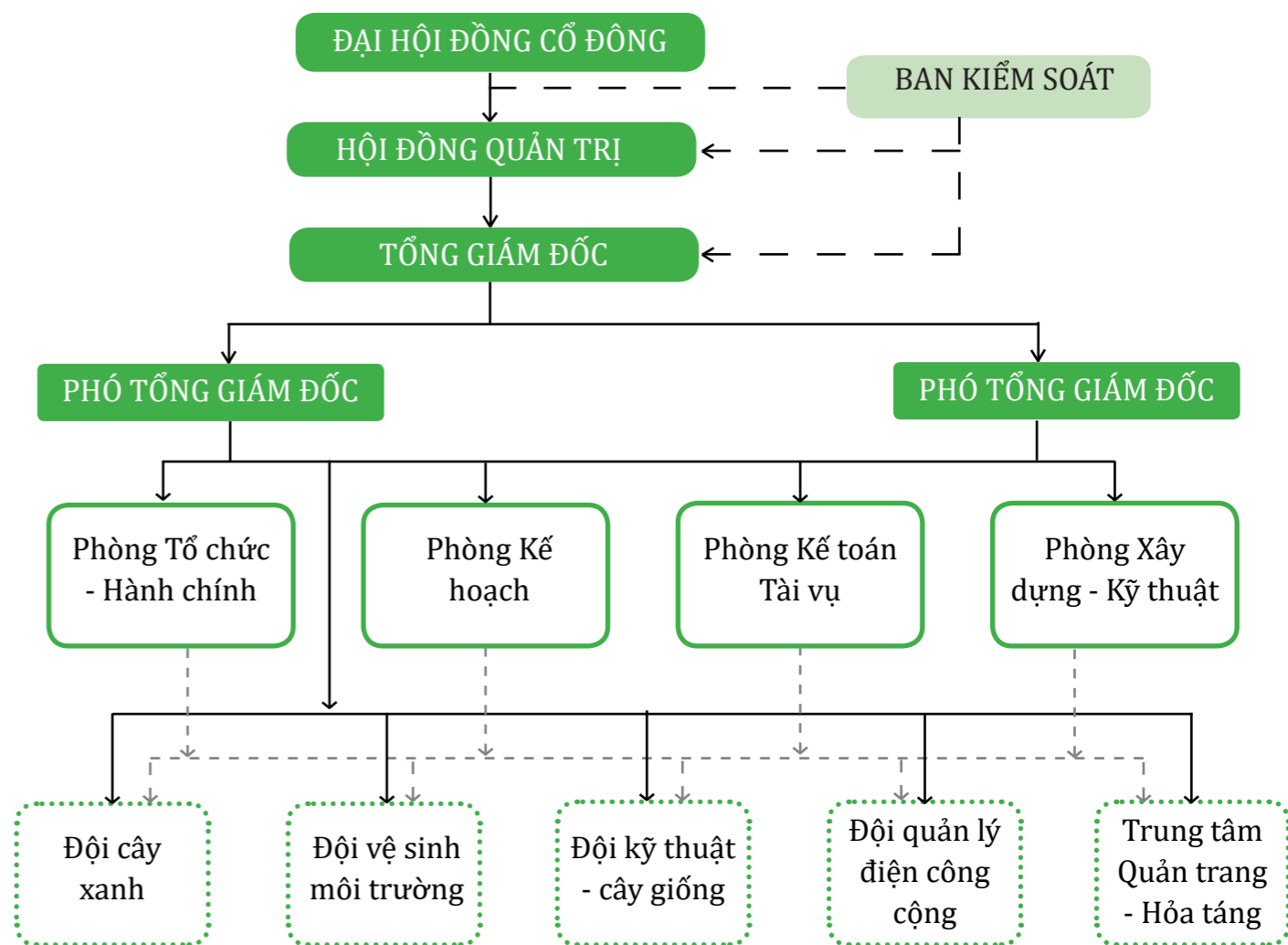
### BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc gồm có 01 Tổng Giám đốc điều hành, 02 Phó Tổng Giám đốc điều hành và 01 Kế toán trưởng. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ các quy định tại hợp đồng lao động.

## Cơ cấu bộ máy quản lý



## Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa không có công ty con, công ty liên kết.





# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với mục tiêu chiến lược trở thành một đơn vị cung cấp dịch vụ công ích uy tín và đảm bảo chất lượng trên địa bàn Thành phố Bà Rịa, Công ty tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ổn định nhân sự và bộ máy sản xuất kinh doanh phù hợp với hình thức công ty cổ phần;
- Xác lập quyền sử dụng đất, tái cấu trúc các chi phí sản xuất kinh doanh, đầu tư vào các phương tiện máy móc nhằm đáp ứng yêu cầu và đạt hiệu quả kinh doanh;
- Đầu tư nâng cấp, phương tiện kỹ thuật, tư liệu sản xuất, sửa chữa các trang thiết bị, văn phòng và nhà xưởng nhằm tăng giá trị sử dụng của các tài sản này.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung phát triển là lĩnh vực vệ sinh môi trường, vườn ươm cây xanh, đấu thầu thi công các công trình công viên, hoa viên trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các khu nghỉ dưỡng, du lịch;
- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích của 3 bên cổ đông - người lao động - khách hàng.

## Các mục tiêu phát triển bền vững



## MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích nên các hoạt động của Công ty đều chú trọng nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí về môi trường, góp phần làm cho cảnh quan môi trường thành phố Bà Rịa ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp và tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các quy định chung của Nhà nước.



## MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Cung ứng các dịch vụ an toàn, chất lượng, xây dựng uy tín, xây dựng niềm tin cho người dân đối với các hoạt động kinh doanh của Brusco nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan thành phố luôn thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ.
- Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong Công ty; khuyến khích tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị sống.
- Hành động thiết thực và chung tay góp sức đối với các vấn đề cộng đồng và xã hội như đóng góp cho kinh phí hoạt động của các tổ chức thiện nguyện nơi đơn vị đặt trụ sở, quyên góp, ủng hộ những hoàn cảnh khó khăn,...





# CÁC RỦI RO

## Rủi ro đặc thù ngành

### Rủi ro giá cả

Đặc thù của ngành công ích là giá cả dịch vụ thuộc sự kiểm soát giá của cơ quan ban ngành. Trong khi giá cả nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Công ty tăng nhanh, làm tăng chi phí đầu vào nhưng Công ty không thể chủ động điều chỉnh giá bán dịch vụ. Dù các mức giá bán các dịch vụ thường xuyên điều chỉnh nhưng những mức giá này thường không theo kịp với mức tăng của chi phí đầu vào của

Công ty và sẽ gây ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Brusco.

Để phòng tránh rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận, Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí quản lý, chi phí đầu tư... giúp giảm chi phí, tăng lợi nhuận. Đồng thời Công ty cũng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm tận dụng tối đa nguồn lực hiện có và góp phần tăng doanh thu cho Công ty.



### Rủi ro cạnh tranh

Với tình hình kinh tế phát triển, đời sống người dân được cải thiện, nhu cầu sử dụng dịch vụ nâng cao, dẫn đến các công ty tư hoạt động trong ngành công ích ngày càng nhân rộng. Đặc biệt là Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nơi tập trung phát triển ngành du lịch. Do đó, Công ty phải đối diện với sự cạnh tranh gay gắt trong công tác đấu thầu thi công các công trình công viên, hoa viên trên địa bàn Tỉnh.

Trước rủi ro trên, Công ty thường xuyên tăng cường, đẩy mạnh cải tiến công nghệ để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.



## Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, tình hình kinh tế của nước ta trong năm 2019 tiếp tục khởi sắc với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, là năm thứ hai liên tiếp GDP nước ta đạt trên 7%. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, lạm phát được kiểm soát (lạm phát năm 2019 đạt 2,79% đã được kiểm soát ở mức dưới 3%), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, v.v.... Bên cạnh đó, kinh tế nước ta đang phải đối mặt với bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ và Trung Quốc đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu.

Hoạt động trong lĩnh vực công ích nên Brusco ít bị tác động bởi những rủi ro kinh tế. Tuy nhiên,

nền kinh tế càng phát triển, hội nhập giữa các nước gia tăng, vấn đề môi trường và cảnh quan được Nhà nước chú trọng và quan tâm hơn. Do đó, yếu tố kinh tế là nhân tố quan trọng và là cơ hội cho các doanh nghiệp thuộc ngành môi trường và công ích công cộng phát triển, trong đó có Brusco.

Để tận dụng được cơ hội trên, Brusco xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp, kết hợp với việc theo dõi, cập nhật diễn biến của thị trường nhằm phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp kịp thời cho những vấn đề xảy ra, biến thách thức của thị trường trở thành cơ hội hoạt động của Công ty.

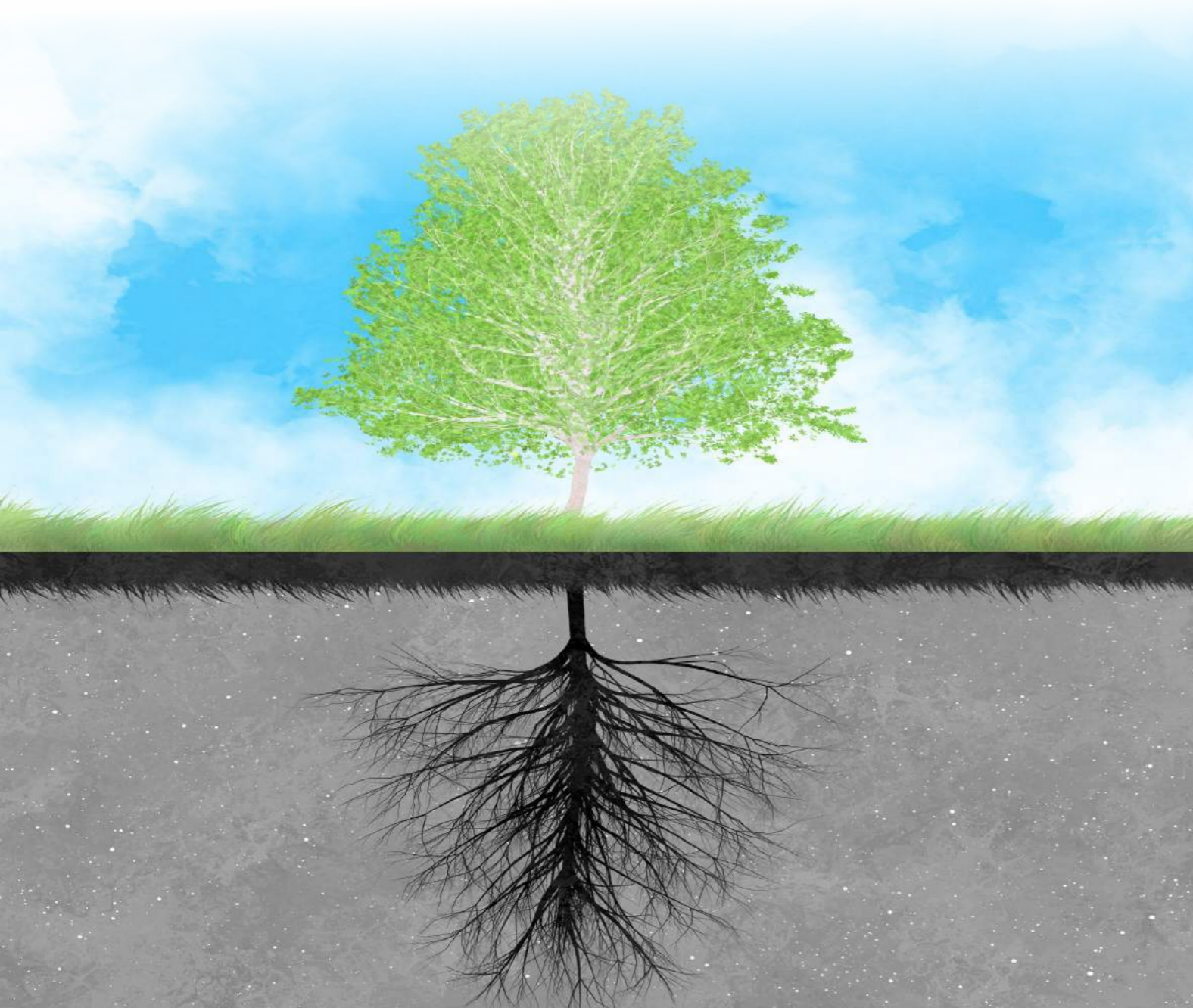


# CÁC RỦI RO

## Rủi ro môi trường

Nền kinh tế phát triển, thu nhập của người dân theo đó cũng được cải thiện là một tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, đi kèm với đó là sự gia tăng số lượng rác thải từ nhiều nguồn, ảnh hưởng xấu đến môi trường thiên nhiên. Thực trạng này đã đặt ra bài toán nan giải cho các cấp ngành chính quyền địa phương Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong công tác xử lý rác và bảo vệ môi trường.

Với hơn 15 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực dịch vụ công ích, thu gom xử lý rác sinh hoạt, quản lý chăm sóc cây xanh, thi công, lắp đặt bảo trì hệ thống đèn chiếu sáng công cộng .... Brusco hiểu rõ nhiệm vụ của mình trong việc tạo dựng và duy trì môi trường đô thị xanh, sạch, đẹp. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng công tác phân loại rác loại tại nguồn nhằm mục đích hỗ trợ hiệu quả hơn cho khâu xử lý rác, đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc giúp nâng cao năng lực hoạt động và tăng diện tích cây xanh tạo thêm những mảng xanh cho thành phố.



## Rủi ro pháp luật

Là Công ty cổ phần hoạt động trong ngành xây dựng công trình công cộng và dịch vụ công ích, Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa chịu sự chi phối bởi Luật Luật Doanh Nghiệp và Luật Bảo vệ Môi Trường và các văn bản pháp lý liên quan khác. Mặt khác, Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa đã được Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu và chính thức giao dịch trên UPCOM từ năm 2017 nên sẽ chịu sự chi phối của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan. Tuy nhiên với hệ thống luật chưa được hoàn thiện và còn nhiều sửa đổi ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và các hoạch định của Công ty.

Để hạn chế những tác động trên, Công ty đã luôn chủ động theo dõi, tìm hiểu, cập nhật thay đổi của các chính sách và điều chỉnh phù hợp quy định của Công ty.

## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động thì Công ty còn chịu tác động mang tính khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, những biến đổi khắc nghiệt của khí hậu, vấn đề chính trị,... có thể gây thiệt hại về con người và tài sản. Do vậy, Công ty đã chủ động xây dựng biện pháp phòng ngừa nếu có thiệt hại xảy ra từ những nguyên nhân trên.







## PHẦN II

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- Báo cáo tác động tới môi trường và xã hội của Công ty



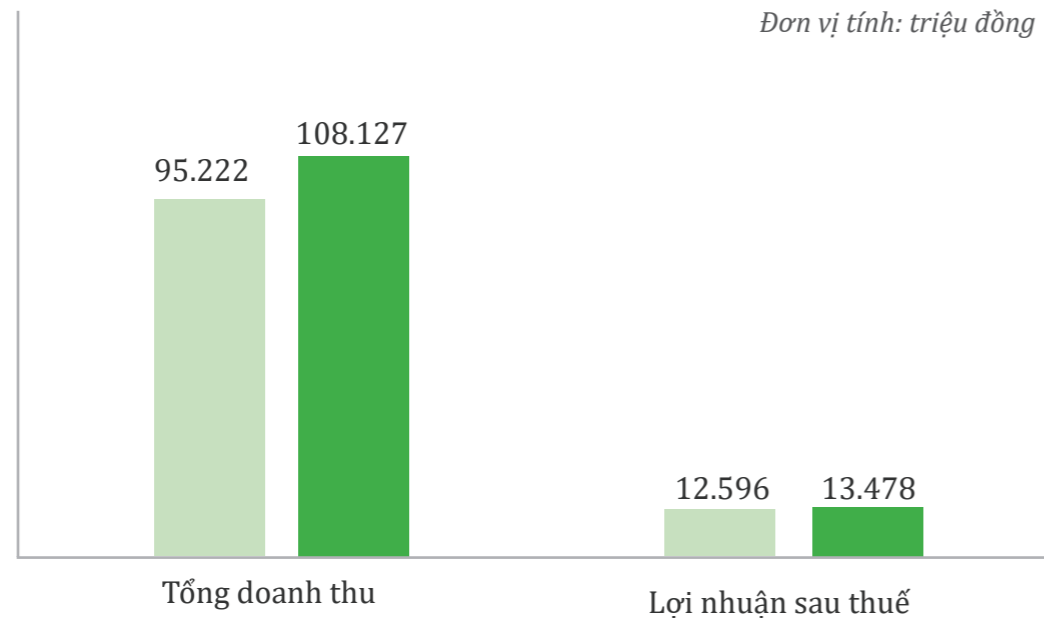
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)	
					TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
Tổng doanh thu	Tr. Đ	95.222	94.000	108.127	115,03%	113,55%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đ	12.596	11.766	13.478	114,55%	107,00%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	14	14	-	-	-

Năm 2019 được đánh giá là một năm thành công của Công ty với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh đều tăng trưởng so với năm 2018. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2019 đạt hơn 108 tỷ đồng, tăng 15,03% so với kế hoạch và tăng 13,55% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2019 công ty phát sinh hợp đồng trồng cây xanh huyện Xuyên Mộc, tăng khối lượng hợp đồng dịch vụ chăm sóc cây xanh, thu gom rác tại thành phố Bà Rịa và đấu thầu thành công dự án xây dựng công trình thi công đường hoa Phạm Văn Đồng, TP. Bà Rịa. Bên cạnh đó, công tác quản lý hiệu quả các chi phí đã giúp Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 13 tỷ, tăng 7% so với năm 2018.

## Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng



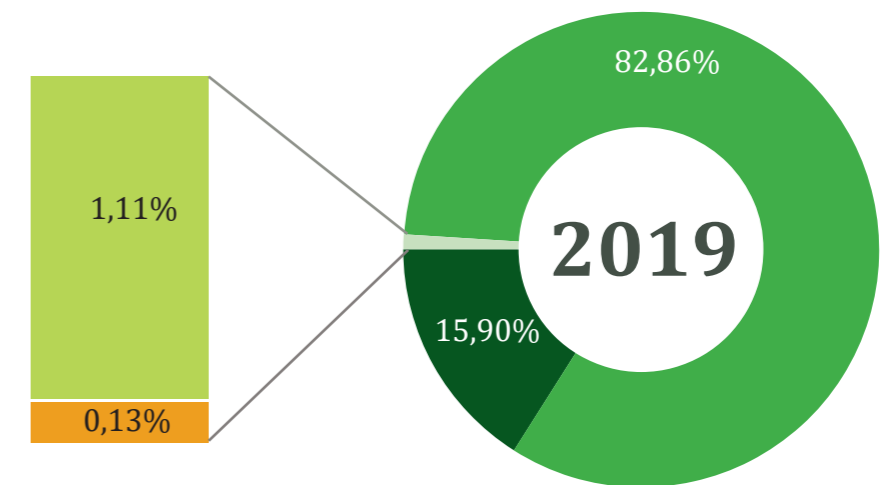
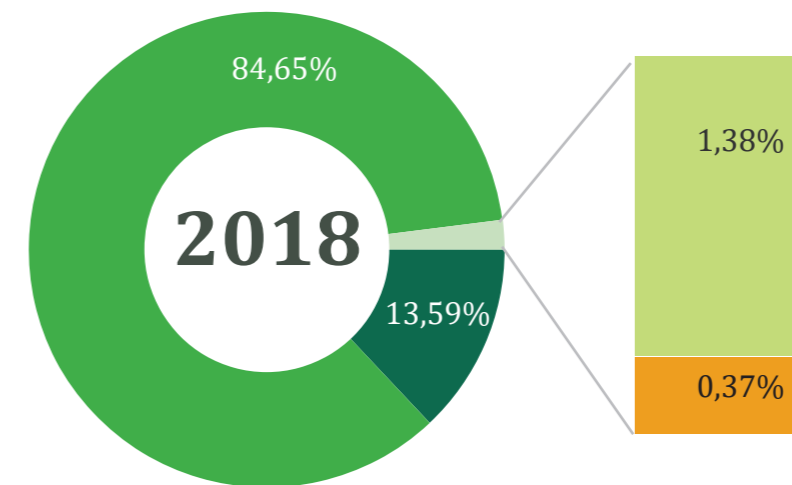
Thực hiện năm 2018

Thực hiện năm 2019

## Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hợp đồng xây dựng	12.945	13,59%	17.192	15,90%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.610	84,65%	89.599	82,86%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.313	1,38%	1.195	1,11%
Doanh thu khác	354	0,37%	142	0,13%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.222</b>	<b>100%</b>	<b>108.127</b>	<b>100%</b>



Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu khác



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Trương Quang Đại	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Phạm Việt Nghĩa	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
4	Võ Ngọc Thạch	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
5	Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
<b>B</b>	<b>Ban điều hành</b>		
1	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Phạm Việt Nghĩa	Tổng Giám đốc	
3	Võ Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Trần Diễm Thúy	Kế toán trưởng	
<b>C</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Nguyễn Quang Quốc	Trưởng BKS	
2	Thang Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	
3	Phan Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	



## Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Trương Quang Đại – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	11/07/1959
Nơi sinh	Xã Hòa Long, Thành phố Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cá nhân sở hữu: 27.700 cổ phiếu, chiếm 0,61% vốn điều lệ</li> </ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>03/1975-1978: Công an Giao thông Huyện Châu Thành</li> <li>1978- 1983: Cảnh sát Hình sự Huyện Châu Thành</li> <li>1983-1985: Trường An ninh thôn Phước Trung, Thị trấn Bà Rịa</li> <li>1985 -1987: Cán bộ công tác tại UBND Thị trấn Bà Rịa</li> <li>1987- 1989: Trưởng Ban quản lý chợ Bà Rịa</li> <li>1994-1999: Phó Chủ tịch UBND P.Phước Trung - Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</li> <li>1999 - 02/2007: Chủ tịch UBND P. Phước Trung, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</li> <li>02/2007 –08/2008: Công tác Tại UBND Thị xã Bà Rịa</li> <li>08/2008 -08/2013: Phó Giám đốc Công ty Công trình Đô thị Bà Rịa</li> <li>08/2013 – 04/2016: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Bà Rịa</li> <li>04/2016 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li> </ul>



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

<b>Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>	
Năm sinh	13/01/1979
Nơi sinh	Hòa Long, Tp.Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 8.000 cổ phiếu, chiếm 0,18% vốn điều lệ</li><li>Đại diện sở hữu cho UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 2.358.263 cổ phiếu, chiếm 51,92% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>08/2002- 15/06/2013: Chuyên viên Phòng Tài chính - kế hoạch Tp.Bà Rịa</li><li>15/06/2013 - 24/07/2013: Công tác tại Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa</li><li>25/07/2013 - 18/9/2019: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li><li>19/9/2019 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>

<b>Ông Nguyễn Phạm Việt Nghĩa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>	
Năm sinh	13/01/1976
Nơi sinh	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư - ngành Công chánh
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 12.600 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>03/2002-11/2010: Làm việc tại phòng Tài chính- Kế hoạch thành phố Bà Rịa</li><li>12/2010- 12/2013: Nghỉ việc tại phòng Tài chính- Kế hoạch về phụ giúp gia đình</li><li>01/2014 - 03/2016: Làm việc tại Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây Dựng thành phố Bà Rịa</li><li>04/2016 - 19/9/2019 : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li><li>19/9/2019 - nay: chuyển công tác về UBND Thành phố Bà Rịa.</li></ul>

<b>Ông Võ Ngọc Thạch – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc</b>	
Năm sinh	28/12/1972
Nơi sinh	Long An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 7.600 cổ phiếu, chiếm 0,17% vốn điều lệ</li><li>Đại diện sở hữu cho UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: 1.135.487 cổ phiếu, chiếm 25% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>01/08/1997 - 31/05/2008: Phụ trách công tác xây dựng cơ bản tại Công ty Công trình đô thị Thị xã Bà Rịa</li><li>01/6/2008- 14/06/2013: Chuyên viên tổng hợp tại văn phòng HĐND và UBND Tp.Bà Rịa</li><li>15/06/2013 - 24/07/2013: Công tác tại Công ty Công trình Đô thị thành phố Bà Rịa</li><li>25/07/2013 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>

<b>Ông Đào Mạnh Hùng – Thành viên HĐQT</b>	
Năm sinh	10/11/1955
Nơi sinh	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và thiết bị môi trường Hiệp Hòa
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ</li><li>Đại diện sở hữu cho Công ty TNHH Thương mại và thiết bị môi trường Hiệp Hòa: 728.000 cổ phiếu, chiếm 16,03% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>1973 - 1981: Tham gia phục vụ trong quân đội</li><li>1982 - 1991: Công tác tại Sở Công thương Tp.Hà Nội</li><li>1991 - 1995: Công tác tại Bộ Tài chính Trung ương</li><li>1996 - 1999: Công tác tại Bộ Giao thông vận tải</li><li>1999-Nay: Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa</li><li>2013 -Nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch của Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên, Ông Nguyễn Phạm Việt Nghĩa và Ông Võ Ngọc Thạch vui lòng xem tại mục Sơ yếu lý lịch HĐQT

Bà Nguyễn Trần Diễm Thúy – Kế toán trưởng	
Năm sinh	16/4/1983
Nơi sinh	Bà Rịa – Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 600 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>11/2005 - 01/2014: nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li><li>01/2014 - 09/2019: Phó phòng Kế toán tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li><li>09/2019 - Nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>

## Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Quốc – Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh	05/10/1983
Nơi sinh	Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 700 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2006 - 2013: Nhân viên Phòng Tổ chức - hành chính kế toán tiền lương Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa</li><li>2013- Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>

Bà Thang Mỹ Hạnh – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	19/04/1984
Nơi sinh	Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2008 - 2013: Nhân viên kế toán Đội Công viên cây xanh Công ty Công trình Đô thị thành phố Bà Rịa</li><li>2013- Nay: Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ Đô thị Bà Rịa</li></ul>

Bà Phan Thị Minh Nguyệt- Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	06/09/1985
Nơi sinh	Bà Rịa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	<ul style="list-style-type: none"><li>Cá nhân sở hữu: 500 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ</li></ul>
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"><li>2008 - 2013: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa</li><li>2013- Nay: Nhân viên Phòng Tổ chức – Hành chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa.</li></ul>

## Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Miễn nhiệm/Bổ nhiệm
1	Nguyễn Phạm Việt Nghĩa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 19/09/2019
2	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/09/2019
3	Nguyễn Phạm Việt Nghĩa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/09/2019
4	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/09/2019
5	Nguyễn Trần Diễm Thúy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19/09/2019



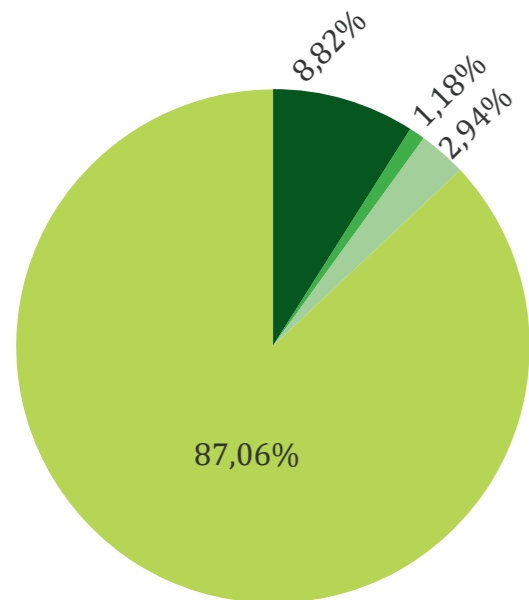
# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng số lao động là 340 người, cụ thể như sau:

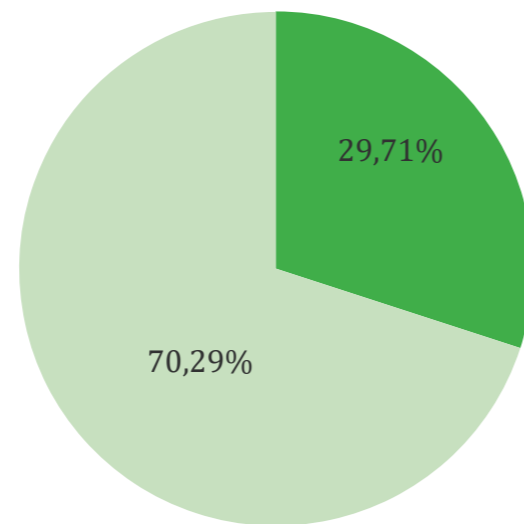
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>340</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học và trên Đại học	30	8,82%
2	Cao đẳng	4	1,18%
3	Trung cấp	10	2,94%
4	Trình độ phổ thông	296	87,06%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>340</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	101	29,71%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	239	70,29%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Đại học và trên Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Trình độ phổ thông

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ

## Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Thu nhập bình quân
1	2015	5.761.251
2	2016	6.441.788
3	2017	7.059.612
4	2018	6.461.942
5	2019	7.501.454

## Chính sách đối với người lao động

### Chính sách đối với người lao động

Để nâng cao chất lượng làm việc, cũng như tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được hưởng một cách đầy đủ nhất các chế độ chính sách của nhà nước.

Công ty thực hiện chính sách tiền lương căn cứ vào bảng lương do Nhà nước quy định, luôn đảm bảo bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định của Chính phủ. Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy

chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc của mỗi cá nhân.

Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước. Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình cụ thể trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty sẽ có chế độ lương, thưởng phù hợp để khích lệ, thúc đẩy năng suất làm việc. Ngoài ra, công ty cũng có những chính sách trợ cấp khó khăn, tổ chức thăm hỏi khi cán bộ, công nhân viên hoặc thân nhân ốm đau, gia đình có ma chay, cưới hỏi,...



### Công tác đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Chính vì vậy, Hằng năm Công ty đều tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, tạo điều kiện về thời gian giúp cho người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Trong năm, Công ty có 06 quần chúng ưu tú được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đồng thời, Ban lãnh đạo

cũng tạo điều kiện cho 150 nhân viên tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật môi trường.

Ngoài ra, Công ty còn phát động Phong trào thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi, phong trào vệ sinh an toàn lao động, Phong trào cháy chữa cháy; Phong trào vì Đô thị xanh - sạch - đẹp; phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, ... Qua đó, UBND Thành phố Bà Rịa và Công ty đã tổ chức khen thưởng cho những tập thể, cá nhân đã có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được giao.



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm Công ty không có các khoản đầu dự án lớn mà chỉ tập trung đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, để đảm bảo đủ phương tiện trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, Công ty đã chi 3.471.381.818 đồng để đầu tư phương tiện vận tải phục vụ ngành chăm sóc cây cảnh và vệ sinh môi trường của Công ty.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm so với 2018 (%)
Tổng tài sản	Tr.Đ	90.936	97.429	7,14%
Doanh thu thuần	Tr.Đ	93.555	106.790	14,15%
Lợi nhuận HĐKD	Tr.Đ	15.532	16.806	8,20%
Lợi nhuận khác	Tr.Đ	231	36	-84,52%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đ	15.763	16.842	6,85%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đ	12.596	13.478	7,00%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	1.537	2.967	93,04%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	14	14	-

## Các chỉ tiêu tài chính

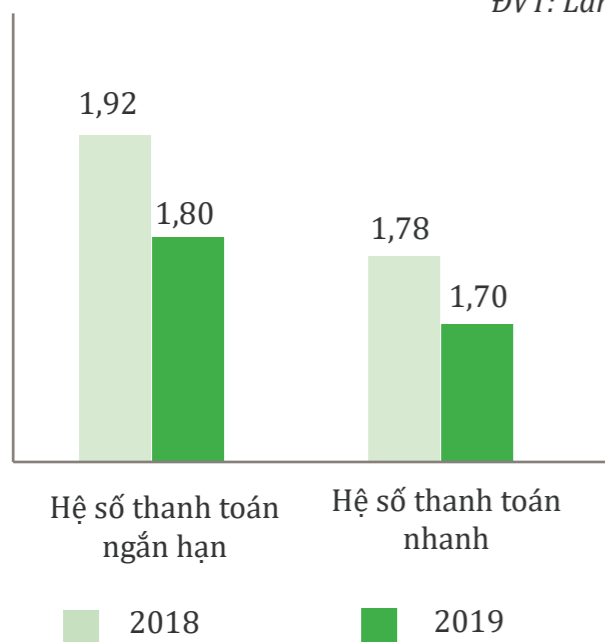
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,92	1,80
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,78	1,70
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,13	36,98
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	51,82	58,68
<b>C</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,98	20,72
2	Vòng quay tài sản	Vòng	1,05	1,13
<b>D</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,46	12,62
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	21,38	22,22
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	14,15	14,31
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	10,57	15,74



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

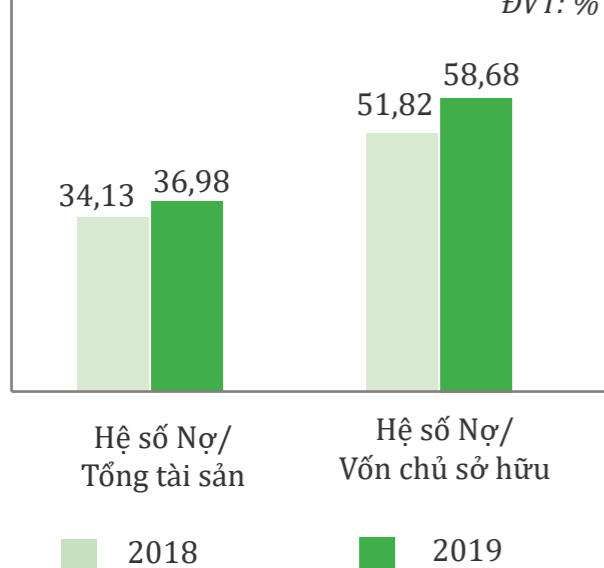
## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

ĐVT: Lần



## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

ĐVT: %



## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm nhẹ so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống mức 1,80 so với mức 1,92 của năm 2018. Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,70, giảm so với mức 1,78 của cùng kỳ năm trước. Tuy tài sản ngắn hạn tăng 8,58% so với cùng kỳ nhưng mức tăng này thấp hơn mức tăng trưởng của nợ ngắn hạn (16,07%). Các chỉ số này luôn được duy trì ở mức trên 1, chứng tỏ Công ty luôn có khả năng bù đắp các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của mình. Bên cạnh đó, có thể thấy hai chỉ số này không chênh lệch nhau nhiều, điều này được lý giải là do đặc thù của Công ty là ngành dịch vụ nên hàng tồn kho của Công ty hầu như luôn ở mức rất thấp.

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều tăng so với năm trước. Trong đó, nợ trên tổng tài sản của Công ty năm 2019 là 36,98%, cao hơn so với mức 34,13% năm 2018. Tương tự, nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty cũng tăng lên mức 58,68% so với mức 51,82% của năm trước. Nợ phải trả của Công ty hoàn toàn đến từ nợ ngắn hạn và không có nợ vay. Cơ cấu nợ tăng chủ yếu là do chỉ tiêu phải trả người bán ngắn hạn và phải trả người lao động tăng lần lượt là 37,07% và 31,34%. Trong năm, Công ty triển khai các hợp đồng mới về xây dựng công trình công cộng và trồng cây xanh nên phải trả người bán ngắn hạn cũng như phải trả người lao động do hiệu suất công việc tăng. Qua các hệ số đôn bẩy này cho thấy Công ty chủ yếu dùng vốn tự có để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, giúp tối ưu được cơ cấu nguồn vốn.

## Chỉ tiêu về hoạt động

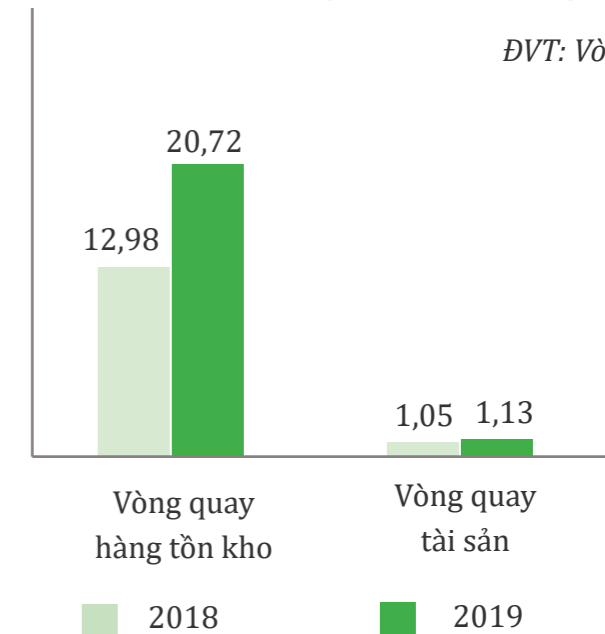
Vòng quay của hàng tồn kho năm 2019 là 20,72 (vòng), tăng mạnh so với năm 2018. Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên hàng tồn kho luôn ở mức thấp, bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tăng trưởng tốt làm tăng giá vốn hàng bán, dẫn đến việc gia tăng vòng quay hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm đã có sự cải thiện khi tăng lên mức 1,13 so với mức 1,05 của năm trước. Điều này cho thấy Công ty đã hiệu quả hơn trong việc sử dụng tài sản tạo ra doanh thu.

## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của Công ty duy trì ở mức cao. Cụ thể, biên lợi nhuận ròng (lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần) năm 2019 là 12,62%, giảm nhẹ so với mức 13,46% của cùng kỳ năm trước do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng. Hệ số ROE (lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu) và ROA (lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản) tiếp tục tăng trưởng, lần lượt đạt 22,22% và 14,31%. Sự tăng trưởng trong các chỉ số sinh lời nhờ vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua tăng trưởng khoảng 8,2% so với năm trước.

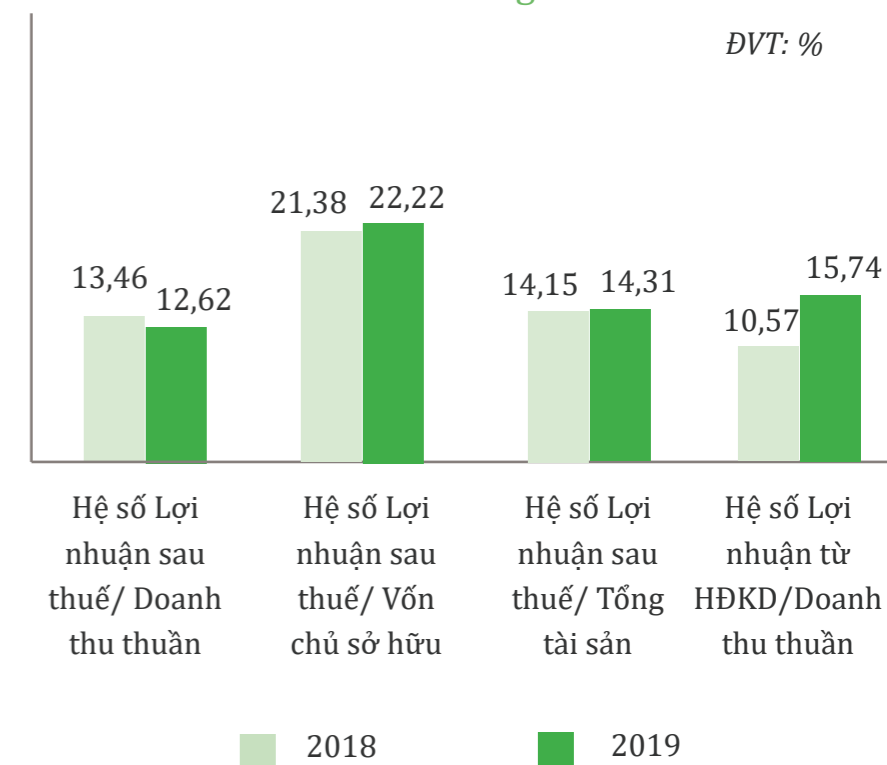
## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

ĐVT: Vòng



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

ĐVT: %





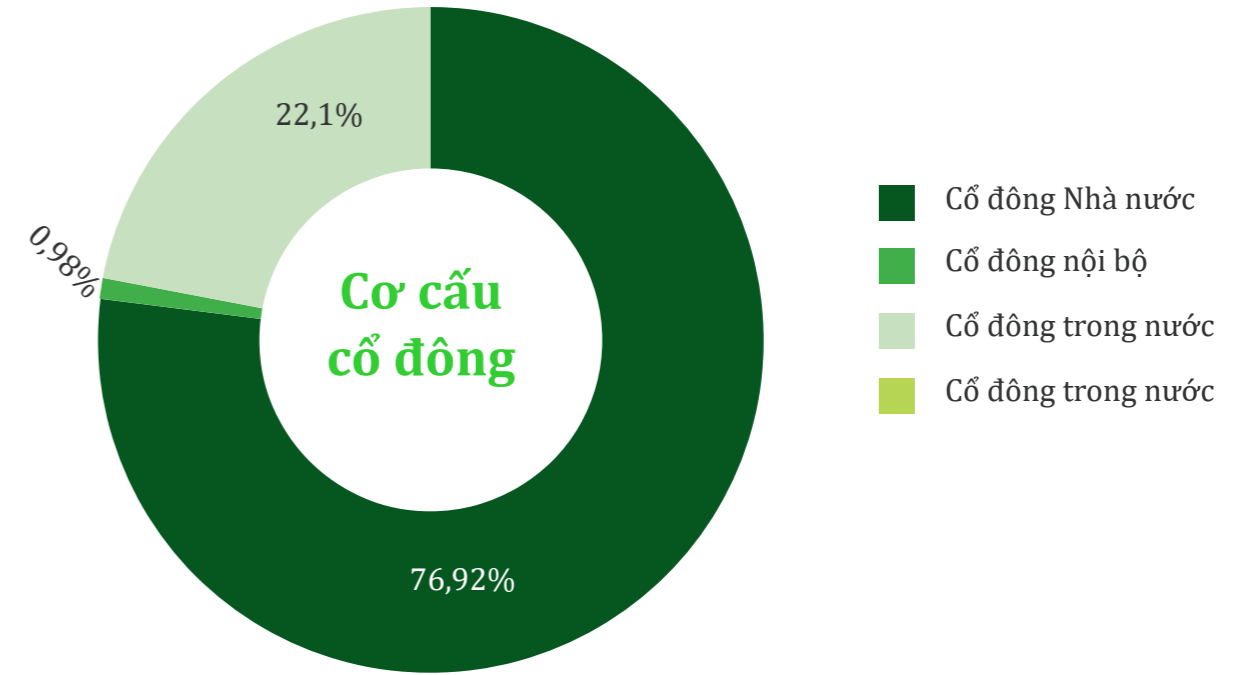
# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần

- Vốn điều lệ: 45.419.500.000 đồng
- Số lượng cổ phần đã phát hành: 4.541.950 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.541.950 cổ phần

## Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	3.493.750	76,92
II	Cổ đông nội bộ	5	44.600	0,98
II	Cổ đông trong nước	155	1.003.600	22,10
1	Cá nhân	154	275.600	6,07
2	Tổ chức	1	728.000	16,03
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>161</b>	<b>4.541.950</b>	<b>100</b>



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có.

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

## Các chứng khoán khác

Không có.



# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Trách nhiệm liên quan đến môi trường

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từ hạ tầng công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

### Tiêu thụ nước

Ngoài sinh hoạt hàng ngày, toàn bộ nguồn nước tiêu thụ của Công ty được sử dụng cho việc tưới tiêu cho mảng cây xanh của thành phố Bà Rịa. Do đó, Công ty không có lượng nước tái chế từ nước thải.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa càng nhanh, mức độ ô nhiễm môi trường càng nghiêm trọng do các hệ thống xử lý rác thải, chất thải, công tác quản lý bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện và chặt chẽ.

Hoạt động chính của công ty là xây dựng công trình công cộng và dịch vụ công ích, nên Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác bảo vệ môi trường như:

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện đúng tần suất quan trắc, kiểm tra môi trường (nước thải, nước ngầm, nước mặt, khí thải...) theo quy định của các Thông tư, Nghị định liên quan;
- Thu gom và vận chuyển lượng rác thải của Thành phố đến nơi tập kết để xử lý;
- Giữ gìn vệ sinh môi trường ở khu vực làm việc và các khu vực xung quanh, đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp tại khuôn viên Công ty;
- Hỗ trợ phương tiện, trang thiết bị cũng như nhân lực cho phong trào bảo vệ môi trường tại thành phố Bà Rịa, nơi Công ty đặt trụ sở; nhờ đó nhiều ô nhiễm đã được giải quyết, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư, khu vực công cộng.

### Tiêu thụ năng lượng:

Các năng lượng tiêu hao chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty trong năm qua. Để tránh việc sử dụng lãng phí các nguồn năng lượng, tăng chi phí, Công ty luôn đề cao chính sách tiết kiệm năng lượng như:

- Thay thế dần các bóng đèn điện huỳnh quang thông thường thành bóng đèn chiếu sáng led nhằm giảm tiêu hao điện năng;
- Ngắt thiết bị tiêu hao điện năng khi không sử dụng;
- Nâng cao ý thức của tất cả cán bộ công nhân viên Công ty trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng.



## Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành một bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó, Ban lãnh đạo luôn chú trọng, quan tâm đến người lao động thực hiện nghiêm túc các chính sách cho người lao động như sau:

- Đăng ký mua bảo hiểm xã hội theo đúng quy định pháp luật người lao động;
- Chính sách lương tăng theo mức lương tối thiểu vùng và luôn đảm bảo chi trả lương đúng hạn cho người lao động;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm

cho cán bộ công nhân viên;

- Thường xuyên cho cán bộ công nhân viên học các lớp chuyên môn nghiệp vụ, các lớp ngắn hạn về quản lý, về chính sách thuế, triển khai văn bản nghị định ...

Bên cạnh đó, nhằm mang lại không khí vui tươi, thoải mái cho công nhân viên sau giờ làm việc, Công ty đã phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động tập thể như thi hội thao, ca hát văn hóa văn nghệ, thi nâng cao tay nghề, thi nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, ... Các hoạt động tập thể này nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cán bộ Công nhân viên các khối trong toàn Công ty.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa luôn thấu hiểu và chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng trên địa bàn hoạt động bằng cách đóng góp nhân lực, vật lực cho các tổ chức xã hội khi được kêu gọi: đóng góp Quỹ vì người nghèo, đóng góp cho đồng bào miền Trung mùa lũ lụt, ... Ngoài ra, trong năm 2019, Công ty đã xây dựng và bàn giao “Mái ấm Công đoàn” cho một đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn trong Công ty cũng như địa phương, góp phần chung tay xây dựng cộng đồng cùng nhau phát triển.







# PHẦN III

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	TH 2019	So sánh (%)	
					TH 2019/ KH 2019	TH 2019/ TH 2018
Tổng doanh thu	Tr. Đ	95.222	94.000	108.127	115,03%	113,55%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đ	12.596	11.766	13.478	114,55%	107,00%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	14	14	-	-	-

Hoạt động đấu thầu thi công các dịch vụ môi trường đô thị có tính cạnh tranh gay gắt của các đơn vị hoạt động cùng ngành đã làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Tuy nhiên dưới sự chỉ đạo kịp thời và nhất quán của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng sự đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty nên năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2019 là 108,127 tỷ đồng, tăng 13,55% so với năm 2018 và vượt 15,03% so với kế hoạch đầu năm (94 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 13,478 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2018 và vượt 14,55% kế hoạch đầu năm (11,377 tỷ đồng).
- Mức cổ tức chỉ trả năm 2019 dự kiến là 14%.
- Thu nhập bình quân người lao động năm 2019 là 7.501.454 đồng/người/tháng.

Trong năm, Công ty ký mới và triển khai một số hợp đồng về trồng cây xanh và xây dựng công trình công cộng. Bên cạnh đó, Công ty đã áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí, chi tiêu hiệu quả nhờ đó hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

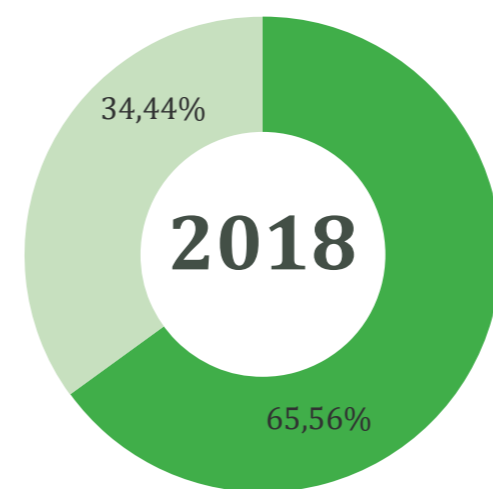
## Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	59.621	65,56	64.737	66,44
Tài sản dài hạn	31.315	34,44	32.693	33,56
<b>Tổng tài sản</b>	<b>90.936</b>	<b>100</b>	<b>97.429</b>	<b>100</b>

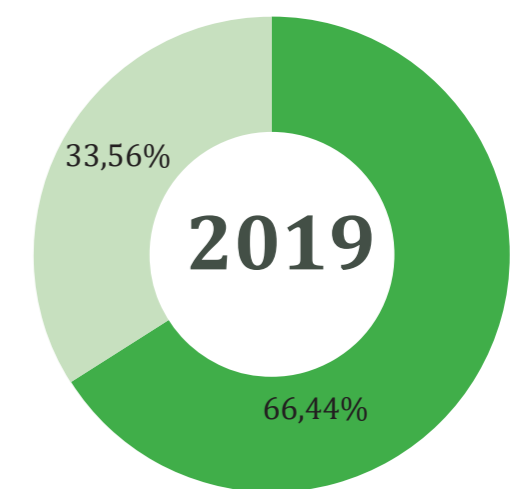
Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 97 tỷ đồng, tăng 7,14% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn lần lượt 8,58% và 4,40% so với cùng kỳ. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do tăng các khoản phải thu ngắn hạn từ 17,32 tỷ đồng lên 28,97 tỷ đồng, các khoản phải thu này đến chủ yếu từ Phòng Quản lý Đô thị TP. Bà Rịa và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 TP. Bà Rịa. Tài sản dài hạn

tăng nhẹ do Công ty tiến hành sửa chữa các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải lâu năm nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh của Công ty, dẫn đến tăng khoản chi phí sửa chữa thường xuyên trong năm. Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (66,44%) do đặc thù Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích nên nhu cầu đầu tư tài sản cố định không nhiều.

## Cơ cấu tài sản



■ Tài sản ngắn hạn



■ Tài sản dài hạn



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2018		2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	31.039	100	36.028	100
Nợ dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>31.039</b>	<b>100</b>	<b>36.028</b>	<b>100</b>

Nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm là 36 tỷ đồng, tăng 16,07% so với năm trước. Nợ phải trả của Công ty tập trung hoàn toàn vào nợ ngắn hạn. Các khoản nợ ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ phải trả người lao động và người mua trả tiền trước ngắn hạn. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực công ích nên mức độ thâm dụng lao động cao và phương thức sử dụng chủ

yếu của Công ty đấu thầu và đặt hàng trước. Vì vậy, chi phí lao động trong năm của Công ty tăng nhằm đảm bảo mức lương tối thiểu vùng theo quy định và đời sống người lao động được cải thiện. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã nhận thêm các hợp đồng về xây dựng công trình và trồng cây xanh tại các huyện, thị xã trên Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm gia tăng chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn.

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Cơ cấu bộ máy trong Công ty theo hướng tinh gọn tăng năng suất lao động; phân công trách nhiệm quản lý điều hành rõ ràng cho từng thành viên trong Ban Giám đốc giúp hệ thống quản lý vận hành thông suốt;
- Xây dựng hoàn thiện các quy trình công việc, quy chế tài chính, điều hành; áp dụng triển khai thực hiện đầy đủ, chặt chẽ và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành nhân sự;
- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới sát với thực tế, tiền lương gắn liền năng suất lao động, trình độ chuyên môn và công sức đóng góp tại từng vị trí công việc của từng người;
- Khuyến khích và khen thưởng các tập thể, cá nhân người lao động có đề xuất, sáng kiến hay về cải tiến kỹ thuật, phương pháp làm việc và quản lý;
- Thường xuyên tuyên truyền giáo dục cho toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động công ty luôn tin tưởng vào các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các quy định của công ty.





# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Khoản mục	ĐVT	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	105.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.300
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.240

## Biện pháp triển khai thực hiện

### Về công tác sản xuất

- Công ty thực hiện đảm bảo máy móc, thiết bị và phương tiện sử dụng hoạt động an toàn, liên tục, bám sát kế hoạch thực hiện hợp đồng của ban lãnh đạo để xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí di chuyển, chi phí năng lượng không cần thiết;
- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ;
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh;
- Đầu tư các trang thiết bị, máy móc, phương tiện sản xuất kinh doanh tiên tiến để nâng cao hiệu quả công việc và tăng sức cạnh tranh trên thị trường;
- Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc của người lao động; từ đó khẳng định uy tín, vị thế của Brusco nhằm tìm kiếm và mở rộng thị trường cả trong lẫn ngoài tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### Về công tác nhân sự - đào tạo

- Duy trì công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để nâng cao hiệu quả, chất lượng, năng suất lao động.
- Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp với nghiệp vụ từng bộ phận, phòng ban;
- Định kỳ đánh giá để có hướng đào tạo, bồi dưỡng và sàng lọc đội ngũ cán bộ, công nhân viên, người lao động;
- Kien toàn bộ máy nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc, tiếp tục hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, sắp xếp điều chỉnh lại chức năng cho phù hợp với xu hướng phát triển đảm bảo phát huy hết năng lực của mỗi nhân viên.





# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty hoạt động trong lĩnh vực công ích như thu gom rác thải sinh hoạt, vườn ươm cây xanh, đấu thầu thi công các công trình công viên, hoa viên nên bảo vệ môi trường là nhiệm vụ và là trách nhiệm của Công ty. Do đó, Brusco luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp. Ngoài việc chấp hành pháp luật về Bảo vệ môi trường, Công ty thường xuyên tuyên truyền, tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao kiến thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng, vừa góp phần tiết kiệm tài nguyên quốc gia vừa giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp cho Công ty.



## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn đề cao tầm quan trọng của các chính sách đào tạo và phúc lợi cho người lao động. Bên cạnh việc tăng lương theo mức tối thiểu vùng, công ty còn có các chính sách như khám bệnh định kỳ, thăm thân nhân đau ốm. Để đảm bảo an toàn lao động, công ty đã tăng cường kiểm tra các thiết bị đường dây điện tại văn phòng, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động đầu năm 2019 cho công nhân xây dựng công trình, dụng cụ PCCC và lập các rào chắn, bảng hiệu khi thi công. Ngoài ra, Công ty còn thành lập ban an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên kiểm tra, vận động công nhân viên chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực hưởng ứng các phong trào do địa phương tổ chức như thăm hỏi động viên, tặng quà cho Bà mẹ liệt sỹ; tham gia hoạt động hưởng ứng “Giờ Trái Đất 2019”; ủng hộ quỹ vì người nghèo, xây dựng “mái ấm công đoàn” cho đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn...





## PHẦN IV

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp cùng ngành trong việc đấu thầu các dự án thi công công trình công cộng tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với hơn 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành công ích, cùng đội ngũ nhân viên lành nghề, Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đã đề ra từ đầu năm. Mặt khác, Công ty triển khai đầy đủ những chính sách, định hướng do Hội đồng quản trị vạch ra, đạt được mục tiêu kinh doanh và quyền lợi của người lao động. Cụ thể, Công ty đã đạt được những kết quả lạc quan sau:

- Tổng doanh thu năm 2019 là 108,127 tỷ đồng, vượt 15,03% so với kế hoạch đầu năm (94 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 13,478 tỷ đồng, vượt 14,55% kế hoạch đầu năm (11,377 tỷ đồng).



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu, làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Định kỳ hàng tháng Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc chủ trì cuộc họp giao ban cùng với Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Trưởng phòng, ban trực thuộc Công ty để báo cáo chương trình kế hoạch hoạt động SXKD và đề ra kế hoạch hoạt động trong tháng. Khi cần thiết, Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi, hội ý để thông tin giải quyết các công việc kịp thời.

Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động sáng tạo trong quản lý điều hành, thực hiện công việc được giao một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của công ty.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và tốc độ tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu, Hội đồng quản trị đưa ra các mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 như sau:

- Tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông;
- Đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động;
- Thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xã hội cả về số lượng và chất lượng dịch vụ”.

Để thực hiện tốt 3 mục tiêu trên, Hội đồng quản trị tập trung các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh năm 2018 nhằm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Phối hợp cùng Ban kiểm soát công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty nhằm bảo tồn và phát huy tối đa nguồn vốn của cổ đông đã đầu tư.
- Đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm thị trường, khách hàng mở rộng quy mô sản xuất và khai thác có hiệu quả các thị phần hiện có.
- Đầu tư máy móc, trang thiết bị, nhà cửa, vườn ươm phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Quản lý và phát huy có hiệu quả nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho những dự án có lợi nhuận cao.
- Tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.
- Chuẩn bị sẵn nguồn vốn kinh doanh để đáp ứng các công trình đột xuất trong năm, đồng thời chủ động trong việc cải tạo nâng cấp cải tạo, sửa chữa thiết bị tài sản của Công ty.



# PHẦN V

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RI**  
**Báo cáo tài chính**  
đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31-12-2019

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Khái quát chung về Công ty

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500100167, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Tên tiếng nước ngoài : Ba Ria Urban Service Joint Stock Company.  
Tên viết tắt : BRUSCO.  
Trụ sở chính : Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Điện thoại : 0254 3825422  
Fax : 0254 3829801  
E-Mail : dothibarua@gmail.com; Web: dothibarua.com

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty: Dịch vụ công ích; Xây dựng công trình; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Vốn pháp định : 6.000.000.000 đồng Việt Nam  
Vốn điều lệ : 45.419.500.000 đồng Việt Nam  
Số lượng cổ phần : 4.541.950 cổ phần  
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng Việt Nam

### Các sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị

Ông Trương Quang Đại Chủ tịch  
Ông Võ Ngọc Thạch Thành viên  
Ông Đào Mạnh Hùng Thành viên  
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên Thành viên  
Ông Nguyễn Phạm Việt Nghĩa Thành viên Đến ngày 19/09/2019

### Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên Tổng Giám đốc Từ ngày 19/09/2019  
Ông Nguyễn Phạm Việt Nghĩa Tổng Giám đốc Đến ngày 19/09/2019  
Ông Võ Ngọc Thạch Phó Tổng Giám đốc

### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Quốc Trưởng ban  
Bà Thang Mỹ Hạnh Thành viên

Bà Phan Thị Minh Nguyệt Thành viên

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm từ ngày 01/01/2019 đến 19/09/2019 là Ông Nguyễn Phạm Việt Nghĩa, từ ngày 19/09/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu (VAC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Thị Kim Xuyên  
Bà Rịa, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Số: 51 /20/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Trí Hải Dung**  
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số: 1164-2018-127-1

Thay mặt và đại diện cho **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VŨNG TÀU**  
Vũng Tàu, ngày 16 tháng 03 năm 2020

**Lê Trường Quân**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số: 2670-2018-127-1



Mẫu số: B 01-DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>64.736.658.296</b>	<b>59.620.880.674</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	8.224.904.374	19.496.591.545
111	Tiền		8.224.904.374	5.696.591.545
112	Các khoản tương đương tiền		-	13.800.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	20.600.000.000	17.800.000.000
121	Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.600.000.000	17.800.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		32.362.266.228	18.001.476.275
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	28.973.802.686	17.320.692.360
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	160.000.000	730.000.000
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.982.561.964	784.882.337
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(754.098.422)	(834.098.422)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	Hàng tồn kho	V.6	3.483.935.225	4.259.582.373
141	Hàng tồn kho		3.483.935.225	4.259.582.373
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		65.552.469	63.230.481
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	65.552.469	63.230.481
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	Tài sản ngắn hạn khác		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>32.692.780.131</b>	<b>31.314.950.467</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		75.781.853	75.781.853
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	Phải thu dài hạn khác	V.5	75.781.853	75.781.853
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	Tài sản cố định		30.894.500.861	30.056.323.671
221	Tài sản cố định hữu hình	V.8	19.459.978.115	18.621.800.925
222	Nguyên giá		50.420.871.133	46.949.489.315
223	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(30.960.893.018)	(28.327.688.390)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	Tài sản cố định vô hình	V.9	11.434.522.746	11.434.522.746
228	Nguyên giá		11.434.522.746	11.434.522.746
229	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	Bất động sản đầu tư		-	-
231	Nguyên giá		-	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	Đầu tư vào công ty con		-	-
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	Tài sản dài hạn khác		1.722.497.417	1.182.844.943
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.7	1.722.497.417	1.182.844.943
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>97.429.438.427</b>	<b>90.935.831.141</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>36.027.753.496</b>	<b>31.039.410.022</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>36.027.753.496</b>	<b>31.039.410.022</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	6.483.569.329	4.730.025.553
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	2.007.095.000	1.740.525.400
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	12.832.427.293	12.682.325.338
314	Phải trả người lao động	V.13	7.801.478.937	5.940.015.651
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
316	Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	Phải trả ngắn hạn khác		5.537.262	3.409.262
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	6.897.645.675	5.943.108.818
323	Quỹ bình ổn giá		-	-
324	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		-	-
331	Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	Phải trả dài hạn khác		-	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>61.401.684.931</b>	<b>59.896.421.119</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	V.15	<b>61.401.684.931</b>	<b>59.896.421.119</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu		45.419.500.000	45.419.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.419.500.000	45.419.500.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	Quỹ đầu tư phát triển		2.504.567.912	1.880.832.000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.477.617.019	12.596.089.119
421a	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		13.477.617.019	12.596.089.119
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>		-	-
431	Nguồn kinh phí		-	-
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>97.429.438.427</b>	<b>90.935.831.141</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Thuy*

*Thuy*



Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2020

*Ghi chú:* Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).



Mẫu số: B 02-DN

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	106.790.412.097	93.554.527.211
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>106.790.412.097</b>	<b>93.554.527.211</b>
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	80.230.037.386	69.449.972.868
20	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>26.560.374.711</b>	<b>24.104.554.343</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.195.053.923	1.312.785.363
22	Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	Chi phí bán hàng		-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	10.948.931.216	9.885.008.694
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>16.806.497.418</b>	<b>15.532.331.012</b>
31	Thu nhập khác		141.871.028	354.802.395
32	Chi phí khác		106.157.738	124.133.407
40	<b>Lợi nhuận khác</b>	VI.5	<b>35.713.290</b>	<b>230.668.988</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>16.842.210.708</b>	<b>15.763.000.000</b>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	3.364.593.689	3.166.910.881
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>13.477.617.019</b>	<b>12.596.089.119</b>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.967	1.537

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Mẫu số: B 03-DN

**BÁO CÁO  
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		99.817.944.436	100.198.573.943
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(45.708.601.242)	(40.049.329.891)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(39.960.175.106)	(34.857.111.649)
04	Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.673.723.381)	(2.501.149.960)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.606.449.030	6.870.293.823
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.921.883.890)	(15.737.046.157)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>160.009.847</b>	<b>13.924.230.109</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TS và tài sản dài hạn khác		(3.471.381.818)	(3.564.000.000)
22	Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		-	253.527.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.600.000.000)	(24.600.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		17.800.000.000	20.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.196.286.800	1.291.371.664
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.075.095.018)</b>	<b>(6.219.101.336)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	Tiền thu phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền trả lại vốn cho các CSH, mua lại CP đã phát hành		-	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.356.602.000)	(6.357.533.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(6.356.602.000)</b>	<b>(6.357.533.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(11.271.687.171)</b>	<b>1.347.595.773</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>19.496.591.545</b>	<b>18.148.995.772</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>8.224.904.374</b>	<b>19.496.591.545</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Trần Diễm Thuý

Nguyễn Thị Kim Xuyên

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2020



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Nhà nước Công ty Công trình đô thị thành phố Bà Rịa theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500100167, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Vốn pháp định :	6.000.000.000	đồng Việt Nam
Vốn điều lệ :	45.419.500.000	đồng Việt Nam
Số lượng cổ phần :	4.541.950	cổ phần
Mệnh giá cổ phần :	10.000	đồng Việt Nam

#### 2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ công ích; Xây dựng công trình; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 4. Lao động

Tổng số nhân viên trong năm của công ty: 411 người; (Năm trước: 382 người).

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền thì được coi là các khoản tương đương tiền.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 (ba) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, giải thể hay các khó khăn tương tự hoặc các khoản phải thu có bằng chứng chắc chắn không thể thu được.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu được trích lập dự phòng không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm cho các sản phẩm lỗi thời, hư hỏng, kém mất phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**Công cụ, dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng hoặc có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

**7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu cho Công ty và chi phí đó được xác định một cách đáng tin cậy. Tất cả các chi phí sửa chữa và bảo trì khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	06 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	:	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	:	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng, quản lý	:	05 năm

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại và chi phí thanh lý, được ghi nhận là thu nhập khác (lãi) hoặc chi phí khác (lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc (giá mua ban đầu) và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng, sở hữu tài sản đó. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định vô hình được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại và chi phí thanh lý, được ghi nhận là thu nhập khác (lãi) hoặc chi phí khác (lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và phải trả khác là các khoản nợ được xác định về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh trong tương lai, liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Các quỹ

Lợi nhuận sau thuế được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt khi trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Việc sử dụng các quỹ phải được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ của Công ty.

### 10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;  
Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;  
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng nghiệm thu, xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.  
Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ, hợp đồng xây dựng được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

### 13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 14. Lợi nhuận khác

#### Thu nhập khác

Gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty.

#### Chi phí khác

Gồm những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Công ty.

### 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 20%.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

### 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

### 17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 18. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, các khoản nợ phải trả và việc trình bày các tài sản tiềm tàng và các khoản nợ phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự thận trọng và hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 20. Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các Tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Giá trị ghi sổ (giá gốc) trừ đi dự phòng đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải trả người bán và phải trả khác gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**V. THÔNG TIN TRÌNH BÀY BỔ SUNG CHO NỘI DUNG TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Tiền mặt	923.149.737	-	55.678.119	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.301.754.637	-	5.640.913.426	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN, Phòng Giao dịch Bà Rịa	161.967.218	-	32.049.916	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT VN, Chi nhánh BRVT	6.920.957.999	-	5.540.059.140	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế, Phòng Giao dịch Bà Rịa	218.829.420	-	68.804.370	-
Các khoản tương đương tiền	-	-	13.800.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT VN, Chi nhánh BRVT	-	-	13.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.224.904.374</b>	<b>-</b>	<b>19.496.591.545</b>	<b>-</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	20.600.000.000	-	17.800.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT VN, Chi nhánh BRVT	20.600.000.000	-	17.800.000.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.800.000.000</b>	<b>-</b>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Phòng Quản lý Đô thị TP. Bà Rịa	23.567.775.899	-	11.600.169.214	-
Ban Quản lý Trung tâm Hành chính tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	315.757.722	-	1.803.646.474	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 TP. Bà Rịa	3.444.008.675	-	606.172.250	-
Phải thu khách hàng xây mộ	-	-	20.000.000	-
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Châu Đức	114.267.500	-	2.314.406.000	-
Các khách hàng khác	1.531.992.890	(714.098.422)	976.298.422	(794.098.422)
<b>Cộng</b>	<b>28.973.802.686</b>	<b>(714.098.422)</b>	<b>17.320.692.360</b>	<b>(794.098.422)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Công ty TNHH XD Khánh Dương	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty TNHH Đức Lợi	-	-	186.000.000	-
Cơ sở gỗ mây tre lá Hữu Tâm	-	-	250.000.000	-
Công ty TNHH Mỹ thuật Hữu Tinh	-	-	130.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	120.000.000	-	124.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000</b>	<b>(40.000.000)</b>	<b>730.000.000</b>	<b>(40.000.000)</b>

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	-	-	116.500.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.729.445.373	-	658.699.180	-
Phải thu khác	136.616.591	-	126.183.157	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	111.298.630	-	112.531.507	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	25.317.961	-	13.651.650	-
<b>Cộng</b>	<b>3.982.561.964</b>	<b>-</b>	<b>784.882.337</b>	<b>-</b>
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	75.781.853	-	75.781.853	-
<b>Cộng</b>	<b>75.781.853</b>	<b>-</b>	<b>75.781.853</b>	<b>-</b>

6. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.483.935.225	-	4.259.582.373	-
<b>Cộng</b>	<b>3.483.935.225</b>	<b>-</b>	<b>4.259.582.373</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

**7. Chi phí trả trước**

**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí mua bảo hiểm	38.108.043	34.261.383
Chi phí sử dụng đường bộ	26.467.905	28.803.787
Cước Internet	613.521	165.311
Chi phí khác	363.000	-
<b>Cộng<sup>(i)</sup></b>	<b>65.552.469</b>	<b>63.230.481</b>

**(i) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>63.230.481</b>	<b>66.652.526</b>
Số tăng trong năm	144.026.953	141.466.401
Phân bổ vào chi phí trong năm	(141.704.965)	(144.888.446)
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.552.469</b>	<b>63.230.481</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	316.183.894	272.159.987
Chi phí sửa chữa thường xuyên	1.276.778.372	686.048.553
Chi phí sử dụng đường bộ	33.368.004	4.542.238
Hoa viên nghĩa trang Long Hương	3.756.795	210.620.356
Các khoản khác	92.410.352	9.473.809
<b>Cộng<sup>(ii)</sup></b>	<b>1.722.497.417</b>	<b>1.182.844.943</b>

**(ii) Chi tiết tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn**

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.182.844.943</b>	<b>1.088.658.304</b>
Số tăng trong năm	2.247.659.000	1.546.689.930
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.708.006.526)	(1.452.503.291)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.722.497.417</b>	<b>1.182.844.943</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	13.175.835.148	6.851.636.122	26.885.498.045	36.520.000	46.949.489.315
Mua trong năm	-	-	3.471.381.818	-	3.471.381.818
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.175.835.148</b>	<b>6.851.636.122</b>	<b>30.356.879.863</b>	<b>36.520.000</b>	<b>50.420.871.133</b>
<b>Đã khấu hao hết</b>	<b>709.322.340</b>	<b>4.405.136.122</b>	<b>9.693.633.500</b>	<b>-</b>	<b>14.808.091.962</b>
<b>Chờ thanh lý</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.443.508.375	4.851.739.418	14.021.074.374	11.366.223	28.327.688.390
Khấu hao trong năm	431.479.935	254.503.279	1.939.917.415	7.303.999	2.633.204.628
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.874.988.310</b>	<b>5.106.242.697</b>	<b>15.960.991.789</b>	<b>18.670.222</b>	<b>30.960.893.018</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.732.326.773	1.999.896.704	12.864.423.671	25.153.777	18.621.800.925
Tại ngày cuối năm	3.300.846.838	1.745.393.425	14.395.888.074	17.849.778	19.459.978.115

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.434.522.746
Mua trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.434.522.746</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	11.434.522.746
Tại ngày cuối năm	11.434.522.746

Quyền sử dụng đất tại số 11 Huỳnh Ngọc Hay, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất của Công ty được đánh giá khi chuyển từ đất thuê sang đất giao theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa số 2983/2012/VLAND-HCM ngày 06/07/2012 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt và Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 14/08/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10. Phải trả người bán ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Cơ sở Thành Đạt	1.219.792.360	1.288.010.000
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	-	2.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư TM DV Phúc Tấn	921.079.224	10.500.000
Công ty TNHH Tâm Liên	483.118.540	-
Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Nguyễn Hồ	429.270.754	-
Cơ sở Tân Thành	418.500.000	-
Vừa kiềng Sađec	306.027.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Phát Đại Thành	286.300.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.419.481.451	931.515.553
<b>Cộng</b>	<b>6.483.569.329</b>	<b>4.730.025.553</b>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền xây mộ	2.002.095.000	1.707.925.000
Các khách hàng khác	5.000.000	32.600.400
<b>Cộng</b>	<b>2.007.095.000</b>	<b>1.740.525.400</b>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	451.063.521	3.797.458.215	3.345.431.061	903.090.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	553.190.966	3.364.593.689	3.673.723.381	244.061.274
Thuế thu nhập cá nhân	14.857.650	257.251.956	250.047.463	22.062.143
Thuế tài nguyên	-	806.400	806.400	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	228.690.455	228.690.455	228.690.455	228.690.455
Các loại thuế khác	-	4.793.296	4.793.296	-
Phí, lệ phí và phải nộp khác	11.434.522.746	-	-	11.434.522.746
<b>Cộng</b>	<b>12.682.325.338</b>	<b>7.653.594.011</b>	<b>7.503.492.056</b>	<b>12.832.427.293</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

13. Phải trả người lao động	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>5.940.015.651</b>	<b>9.004.366.861</b>
Các khoản lương phải trả trong năm	41.433.990.204	31.792.760.439
Các khoản lương năm trước đã trả	(5.940.015.651)	(9.004.366.861)
Các khoản lương đã trả trong năm	(33.632.511.267)	(25.852.744.788)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.801.478.937</b>	<b>5.940.015.651</b>

Công ty trả lương theo Quy chế lương và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>5.943.108.818</b>	<b>3.414.193.140</b>
Số trích trong năm	5.613.623.207	4.276.381.678
Số chi trong năm	(4.659.086.350)	(1.747.466.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.897.645.675</b>	<b>5.943.108.818</b>

15. Vốn góp của chủ sở hữu	a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>811.736.581</b>	<b>11.704.207.097</b>	<b>57.935.443.678</b>
Lãi trong năm trước	-	-	12.596.089.119	12.596.089.119
Trích lập các quỹ	-	1.069.095.419	(5.345.477.097)	(4.276.381.678)
Chia cổ tức	-	-	(6.358.730.000)	(6.358.730.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>1.880.832.000</b>	<b>12.596.089.119</b>	<b>59.896.421.119</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>1.880.832.000</b>	<b>12.596.089.119</b>	<b>59.896.421.119</b>
Lãi trong năm nay	-	-	13.477.617.019	13.477.617.019
Trích lập các quỹ	-	623.735.912	(6.237.359.119)	(5.613.623.207)
Chia cổ tức	-	-	(6.358.730.000)	(6.358.730.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>2.504.567.912</b>	<b>13.477.617.019</b>	<b>61.401.684.931</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Năm 2019, Công ty phân phối Lợi nhuận 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2019.

Lợi nhuận năm 2019 chưa phân phối, số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Đăng ký kinh doanh		Thực góp	
	SL CP	Giá trị	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	3.493.750	34.937.500.000	34.937.500.000	34.937.500.000
Công ty TNHH TM và Thiết bị Môi trường Hiệp Hoà	728.000	7.280.000.000	7.280.000.000	7.280.000.000
Các cổ đông khác	320.200	3.202.000.000	3.202.000.000	3.202.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.541.950</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>45.419.500.000</b>	<b>45.419.500.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	45.419.500.000	45.419.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.419.500.000	45.419.500.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.541.950	4.541.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.541.950	4.541.950
Cổ phiếu phổ thông	4.541.950	4.541.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.541.950	4.541.950
Cổ phiếu phổ thông	4.541.950	4.541.950
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/CP		
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	4.541.950	4.541.950

**e) Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2019 như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông	:	6.358.730.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	:	623.735.912
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	5.613.623.207

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính là: đồng Việt Nam, trừ các trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	17.191.836.667	12.944.693.177
Doanh thu của hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ	17.191.836.667	12.944.693.177
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng	19.671.178.486	20.811.210.162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.598.575.430	80.609.834.034
<b>Cộng</b>	<b>106.790.412.097</b>	<b>93.554.527.211</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	12.264.759.880	9.345.782.596
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.965.277.506	60.104.190.272
<b>Cộng</b>	<b>80.230.037.386</b>	<b>69.449.972.868</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.195.053.923	1.312.785.363
<b>Cộng</b>	<b>1.195.053.923</b>	<b>1.312.785.363</b>
<b>4. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên quản lý	6.546.614.303	6.875.681.242
Chi phí hội nghị, tiếp khách	344.820.585	320.986.752
Chi phí du lịch	1.694.000.000	742.049.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	247.692.517	248.212.471
Chi phí xăng dầu	376.573.220	305.195.300
Tiền thuê đất	228.690.455	228.690.455
Chi phí khác	1.590.540.136	1.214.193.474
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(80.000.000)	(50.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.948.931.216</b>	<b>9.885.008.694</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. Lợi nhuận khác	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>141.871.028</b>	<b>354.802.395</b>
Thu nhập từ việc bán, thanh lý TSCĐ, công cụ, dụng cụ	-	233.010.636
Xóa nợ phải trả	-	43.549.941
Thu bồi thường xe đụng	133.033.755	42.360.000
Thu kinh phí tham gia cưỡng chế	-	35.881.818
Thu nhập khác	8.837.273	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>106.157.738</b>	<b>124.133.407</b>
Các khoản bị phạt	1.319.438	49.407
Chi sửa chữa đên bị xe đụng	104.838.300	31.179.000
Chi phí tham gia cưỡng chế	-	7.400.000
Chi phí 2017 bỏ sót	-	85.505.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>35.713.290</b>	<b>230.668.988</b>
<b>6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.842.210.708</b>	<b>15.763.000.000</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm)	(19.242.262)	71.554.407
Các khoản bị phạt	1.319.438	49.407
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành	36.000.000	36.000.000
Chi phí không được trừ khác	23.438.300	85.505.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(80.000.000)	(50.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.822.968.446</b>	<b>15.834.554.407</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>3.364.593.689</b>	<b>3.166.910.881</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.477.617.019	12.596.089.119
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm) lợi nhuận	-	(5.613.623.207)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(5.613.623.207)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	13.477.617.019	6.982.465.912
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.541.950	4.541.950
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.967</b>	<b>1.537</b>
EPS năm nay chưa bao gồm số sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2019.		
<b>8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.595.678.868	34.218.183.801
Chi phí nhân công	41.944.760.150	36.565.055.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.633.204.628	2.267.076.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.073.708.192	2.662.798.756
Chi phí khác bằng tiền	3.931.616.764	3.621.866.551
<b>Cộng</b>	<b>91.178.968.602</b>	<b>79.334.981.562</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan và các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị	1.732.252.127	1.656.976.000
Ban Kiểm soát	544.275.891	553.340.000
Ban Tổng Giám đốc	587.999.263	605.961.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Xây dựng: Xây dựng công trình.  
Dịch vụ: Dịch vụ công ích; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Năm nay	Dịch vụ	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	89.598.575.430	17.191.836.667	106.790.412.097
Chi phí bộ phận	(67.965.277.506)	(12.264.759.880)	(80.230.037.386)
<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>21.633.297.924</b>	<b>4.927.076.787</b>	<b>26.560.374.711</b>
Doanh thu tài chính			1.195.053.923
Chi phí QLDN			(10.948.931.216)
Thu nhập khác			141.871.028
Chi phí khác			(106.157.738)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(3.364.593.689)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>13.477.617.019</b>
Năm trước	Dịch vụ	Xây dựng	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	80.609.834.034	12.944.693.177	93.554.527.211
Chi phí bộ phận	(60.104.190.272)	(9.345.782.596)	(69.449.972.868)
<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>20.505.643.762</b>	<b>3.598.910.581</b>	<b>24.104.554.343</b>
Doanh thu tài chính			1.312.785.363
Chi phí QLDN			(9.885.008.694)
Thu nhập khác			354.802.395
Chi phí khác			(124.133.407)
Thuế thu nhập DN hiện hành			(3.166.910.881)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>12.596.089.119</b>

**4. Thông tin về số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vũng Tàu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

(Tiếp theo)

**5. Thông tin về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**6. Thông tin khác**

Theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 11/10/2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Thoái vốn Nhà nước tại các Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020 thì Công ty sẽ thoái phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp trong năm 2018. Vốn Nhà nước tối đa sau khi thoái vốn là 36% (16.352 triệu đồng). Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc xác định Giá trị Doanh nghiệp để thoái vốn Nhà nước.

**7. Thông tin khác**

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

**Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	33,56	34,44
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66,44	65,56
Bố trí cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,98	34,13
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,02	65,87

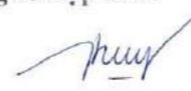
**Khả năng thanh toán**

	Lần	Năm nay	Năm trước
Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	2,70	2,93
Tổng tài sản ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,80	1,92
Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,80	1,20

**Tỷ suất sinh lời**

	%	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	15,60	16,62
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	12,48	13,28
Lợi nhuận/Tổng tài sản	%		
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	17,29	17,33
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,83	13,85
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	21,95	21,03

Người lập biểu

  
Nguyễn Trần Diễm Thuý

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Trần Diễm Thuý



Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2020





# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA**

TP. Bà Rịa, ngày    tháng    năm 2020  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA**

- Địa chỉ: Số 11 Huỳnh Ngọc Hay, Phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Số điện thoại: (0254)3825422
- Số fax: (0254) 3829801
- Website: [www.dothibaria.com](http://www.dothibaria.com)
- Email: [dothibaria@gmail.com](mailto:dothibaria@gmail.com)